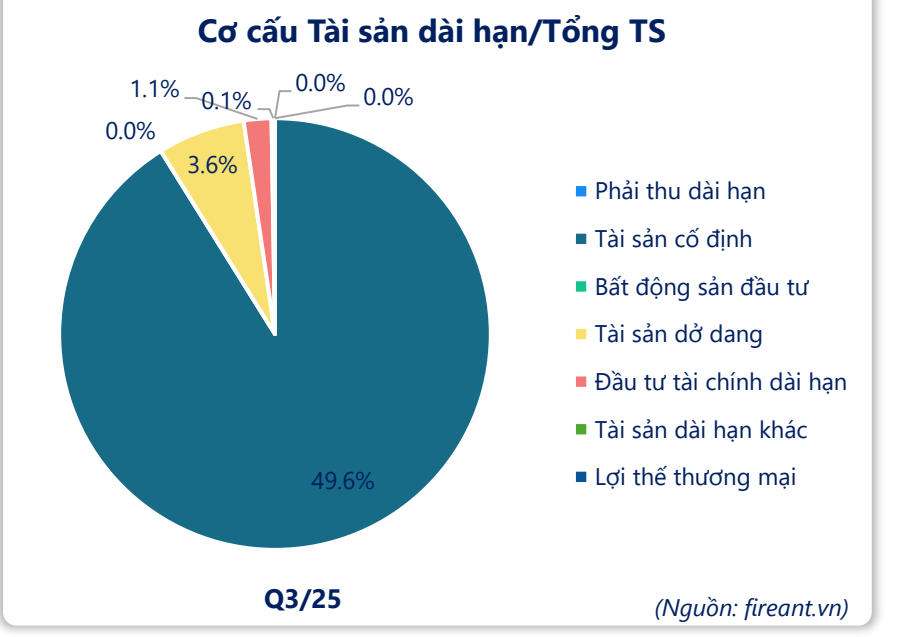
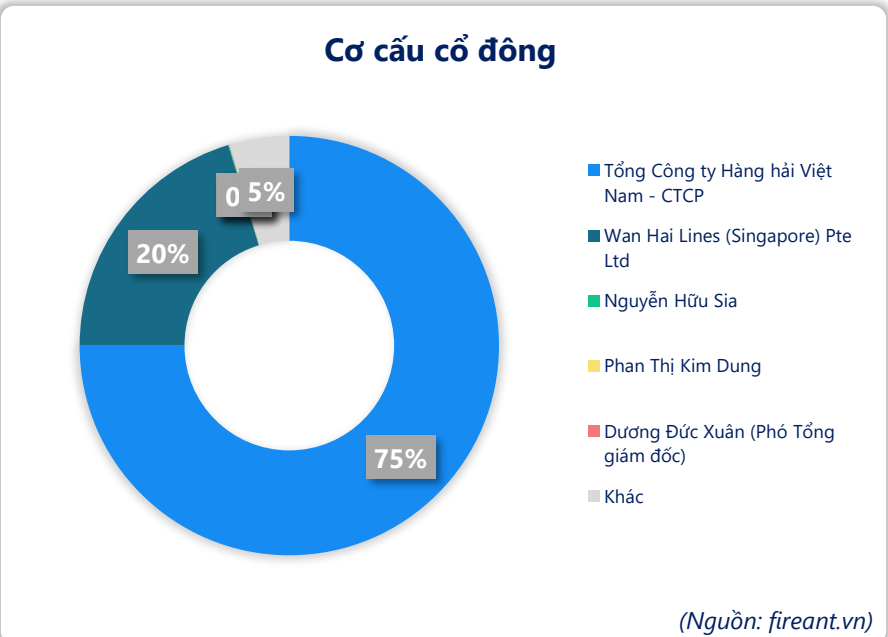
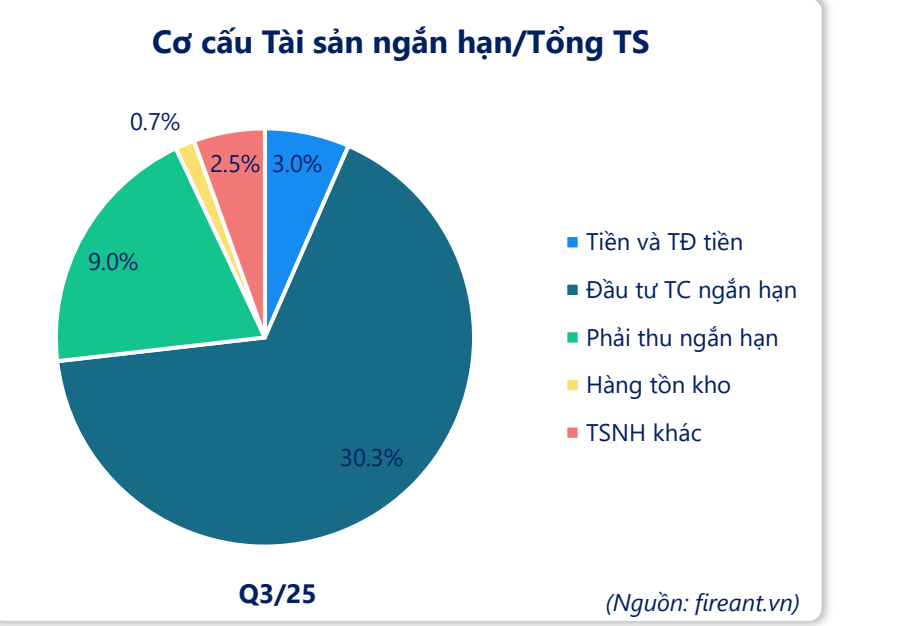
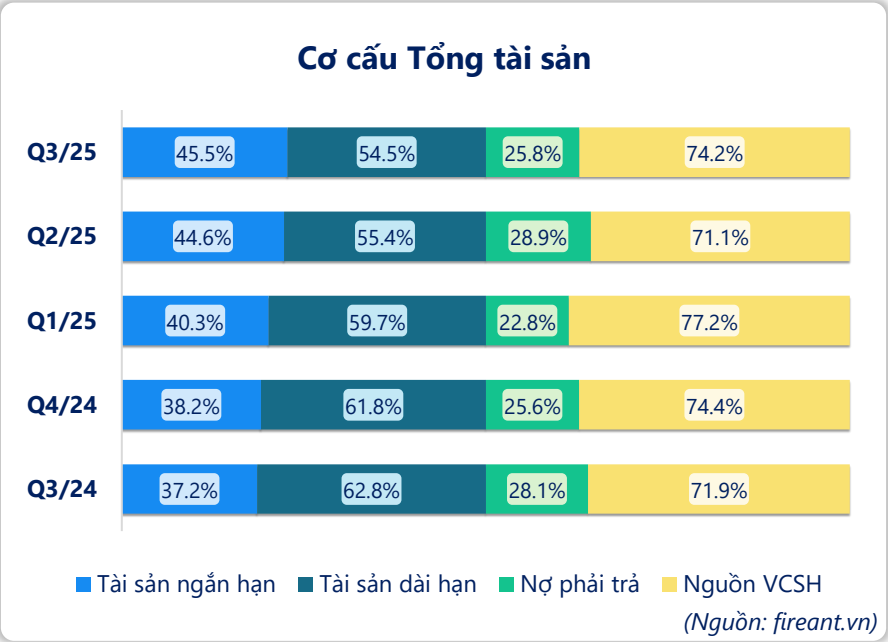
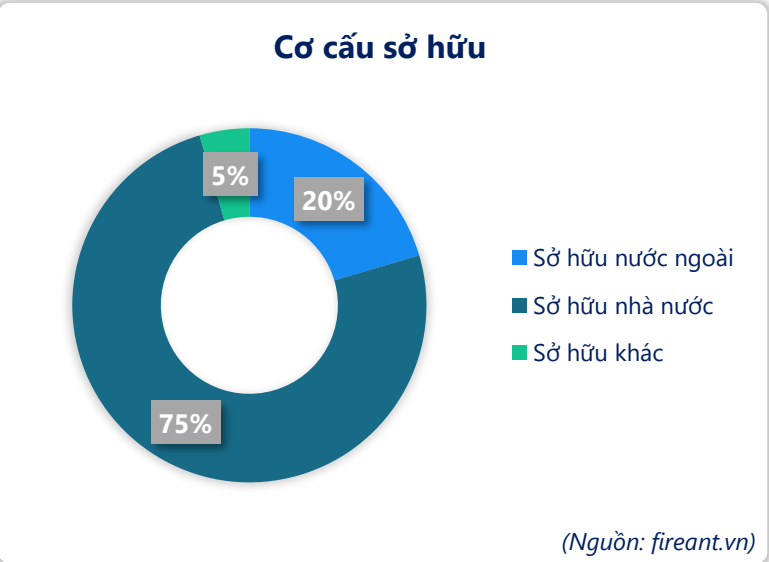
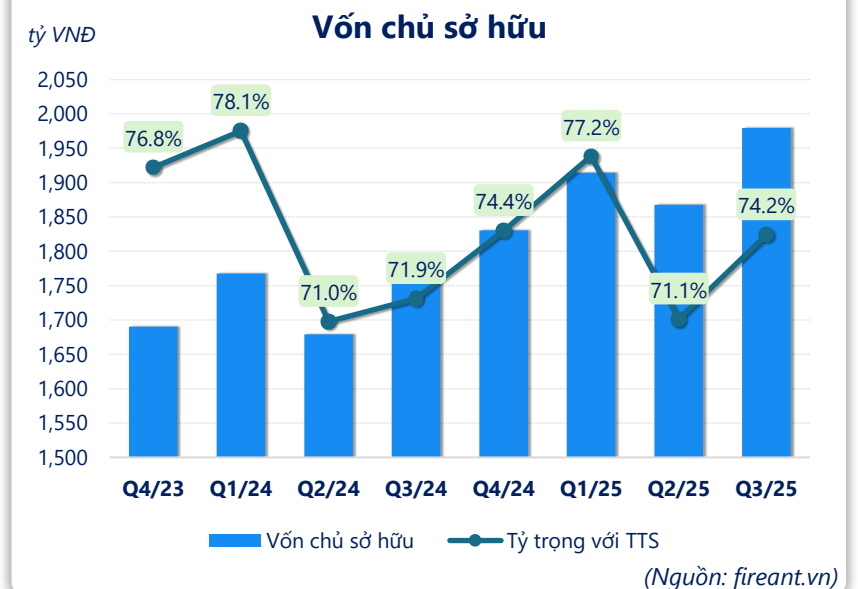
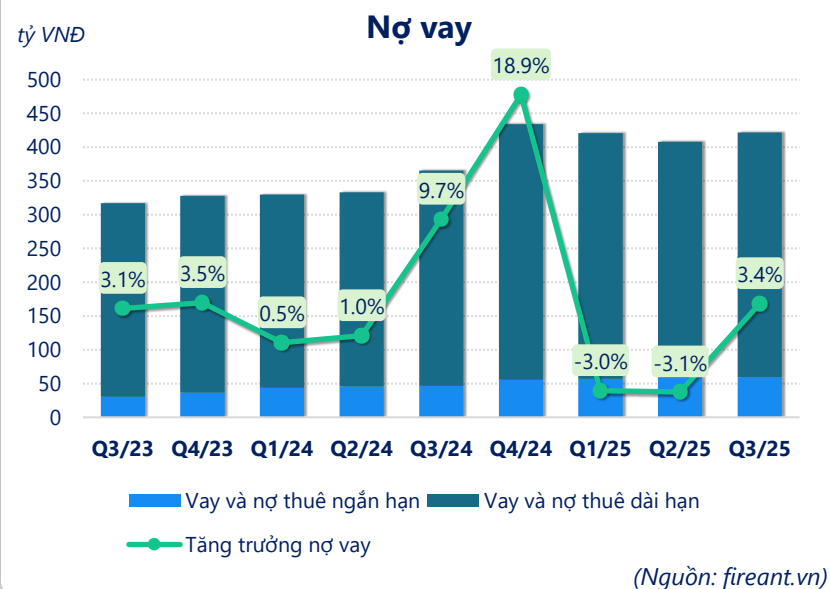
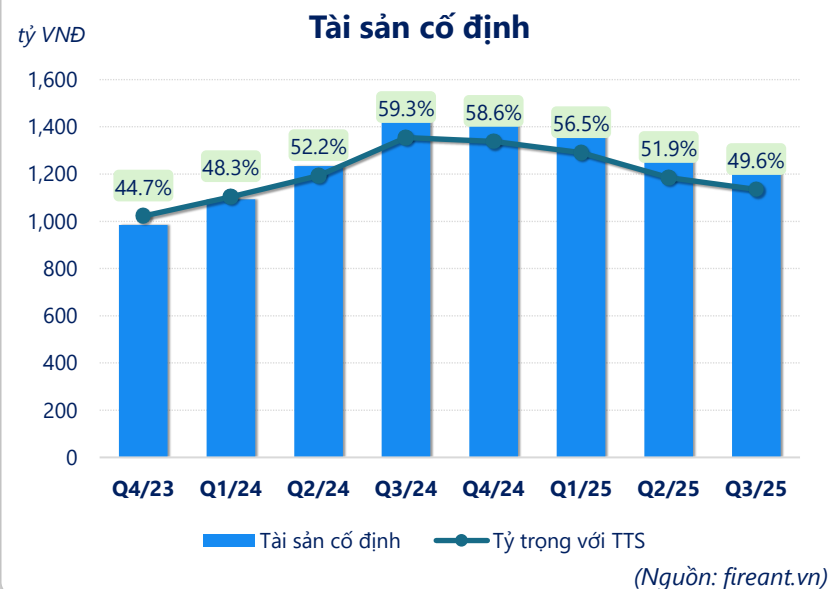
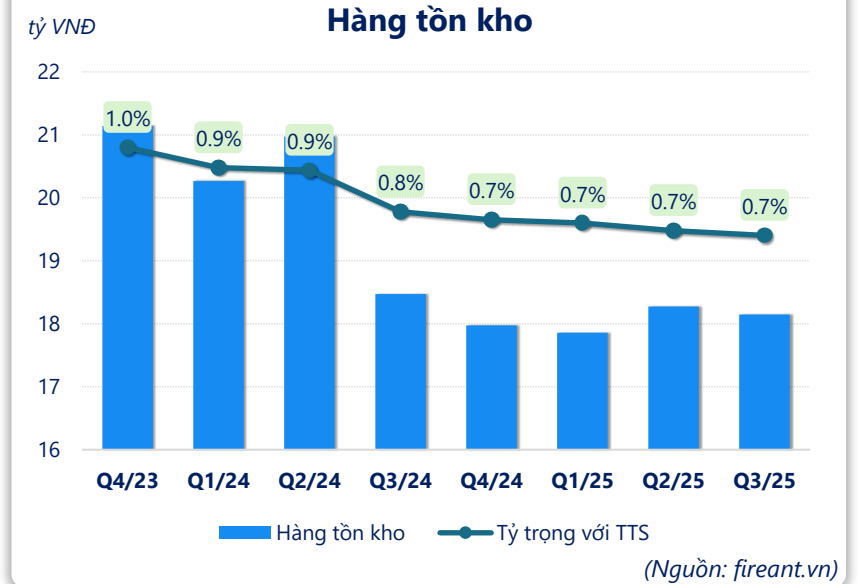
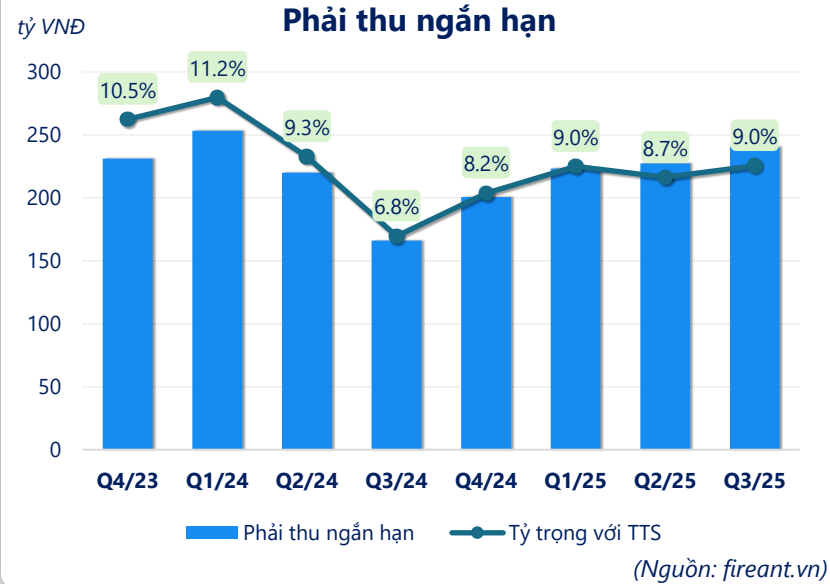
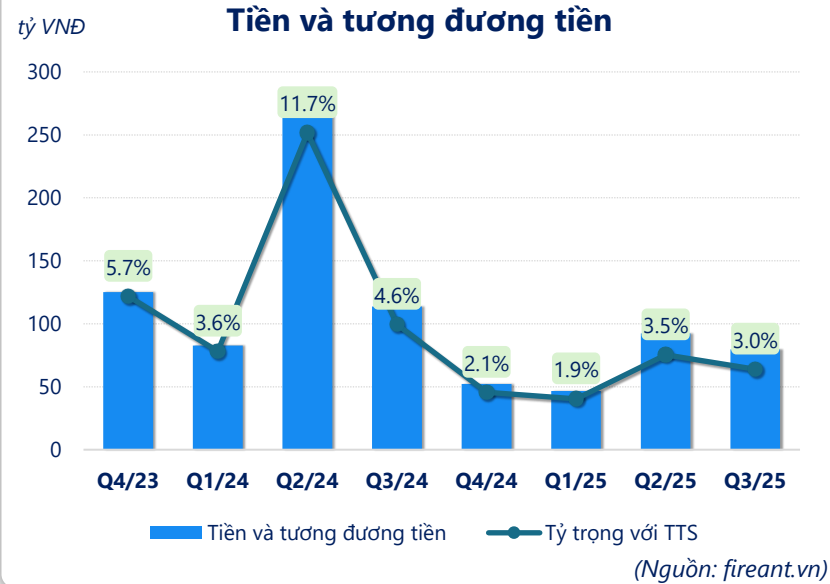
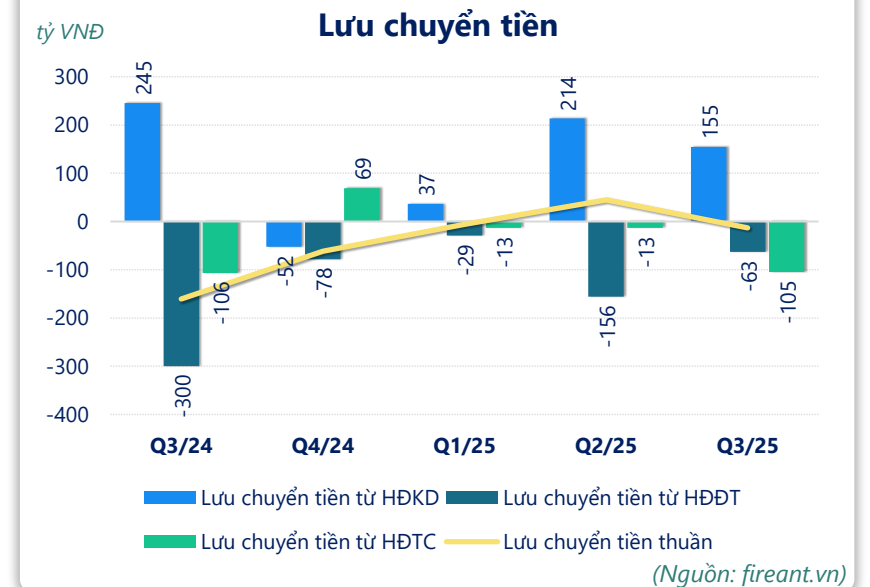
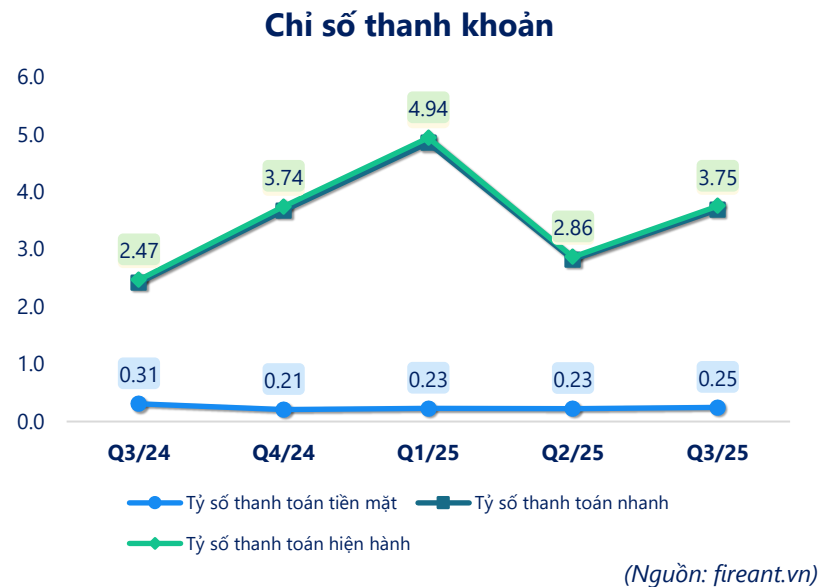
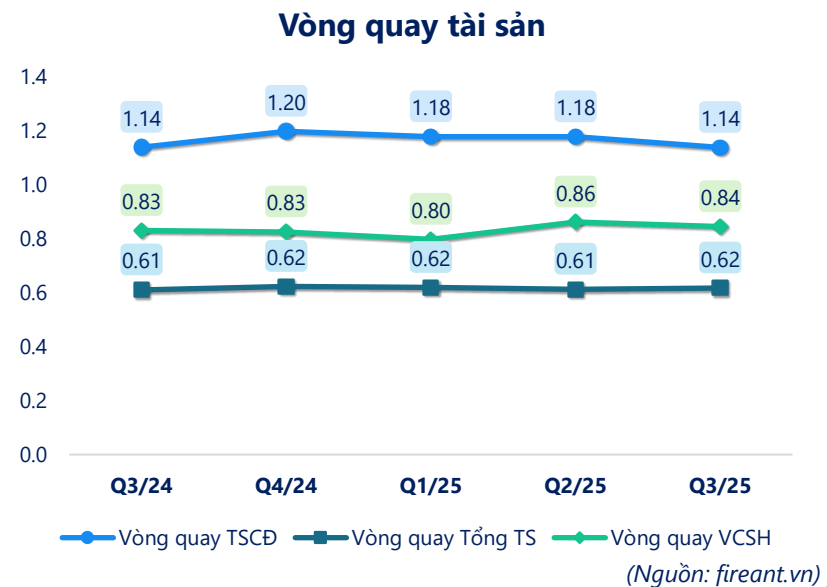
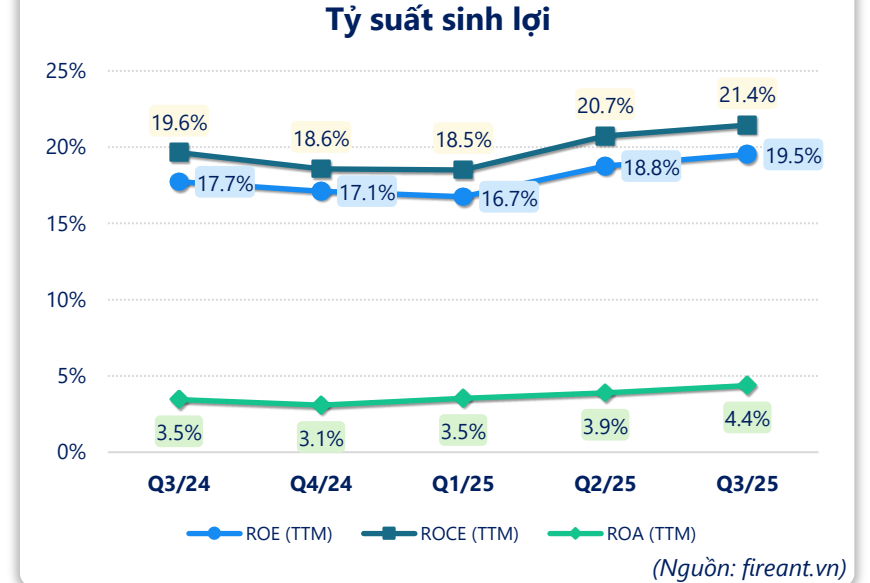
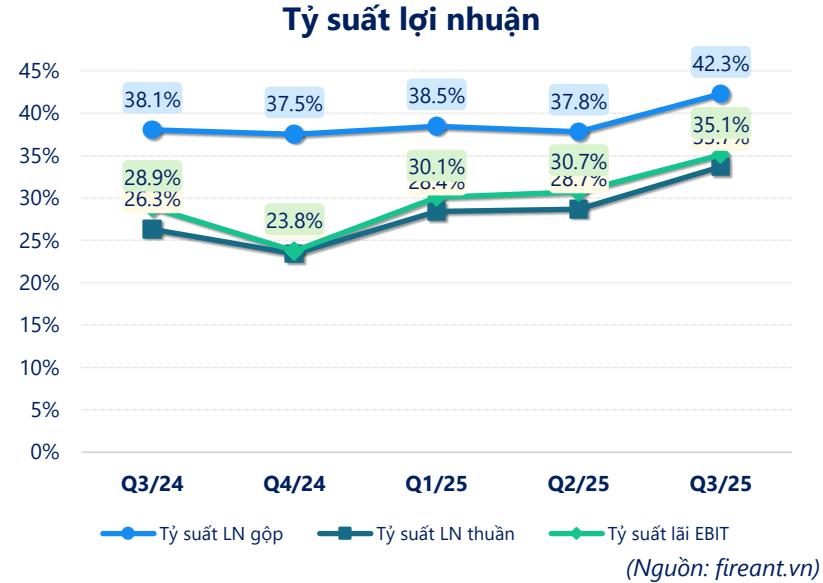
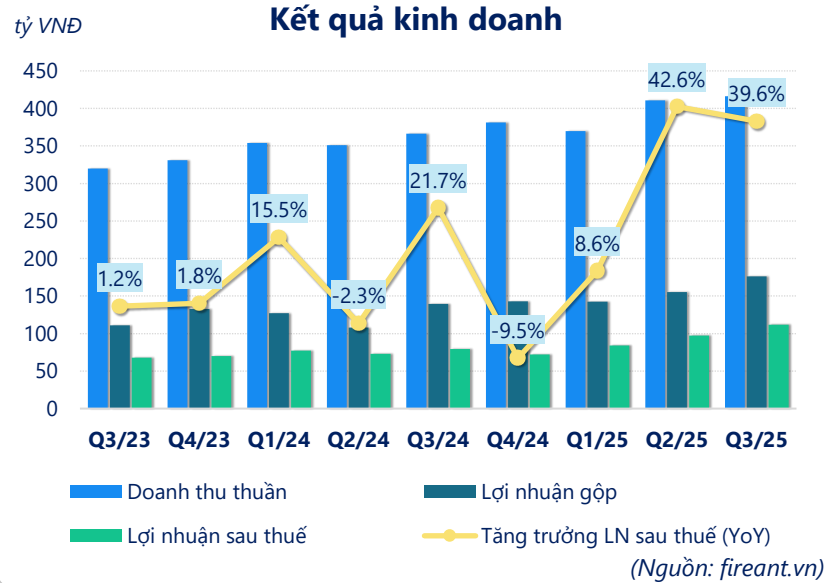


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,688
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,454
SL cổ phiếu LH		99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,630
% sở hữu nước ngoài		20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,000
P/E		8.2
EPS		3,686

	YTD	1T	3T	6T
CDN	-7.5%	-5.0%	-3.8%	-10.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,666	2,460	8.4%
Tài sản ngắn hạn	1,214	940	29.1%
Tiền và tương đương tiền	79.6	52.3	52.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	809	595	36.0%
Phải thu ngắn hạn	241	201	19.9%
Hàng tồn kho	18.1	18.0	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	66.9	74.9	-10.6%
Tài sản dài hạn	1,452	1,520	-4.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,323	1,440	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	95.1	42.2	125%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.1	32.0	-5.9%
Tài sản dài hạn khác	3.69	5.18	-28.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	687	630	9.0%
Nợ ngắn hạn	324	251	29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.2	55.5	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.0	60.7	-27.5%
Nợ dài hạn	363	379	-4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	363	379	-4.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,980	1,830	8.1%
Vốn chủ sở hữu	1,980	1,830	8.1%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	366	381	370	411	416
Giá vốn hàng bán	227	238	228	255	240
Lợi nhuận gộp	139	143	142	155	176
Doanh thu HĐTC	3.46	8.82	8.13	15.3	12.0
Chi phí TC	7.11	5.76	6.45	6.08	5.92
Chi phí lãi vay	5.60	0.68	6.12	6.05	5.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.63	11.6	2.92	2.23	2.82
Chi phí QLDN	35.8	45.2	35.9	44.6	39.1
LN thuần từ HĐKD	96.4	89.3	105	118	140
Lợi nhuận khác	3.70	0.59	0.02	2.38	-0.03
LN trước thuế	100	89.9	105	120	140
Lợi nhuận sau thuế	79.5	72.0	84.1	97.1	112
LNST của CĐ cty mẹ	79.5	72.0	84.1	97.1	112

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	245	-52.4	36.6	214	155
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-300	-78.0	-29.3	-156	-63.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-106	68.9	-13.2	-13.2	-105
Tiền đầu kỳ	278	114	52.3	46.7	92.3
Lưu chuyển tiền thuần	-161	-61.5	-5.82	44.7	-13.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.37	0.13	0.29	0.82	0.53
Tiền cuối kỳ	114	52.3	46.7	92.3	79.6

(Nguồn: fireant.vn)